

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Phú Q**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

HKTT: ấp Q, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp 2, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Lê Phú Q do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn

nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 04 tháng 11 năm 2002. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp Q, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp khoảng 01 năm sau đó vợ chồng về sống chung gia đình chị tại ấp 2, xã H, huyện Vũng Liêm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh Q không còn sống chung từ tháng 06 năm 2020 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phú Q.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu A cho anh Q nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng cháu P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung lý do anh Q không có điều kiện và cũng không chăm sóc cháu A. Hiện tại chị nuôi dưỡng hết hai con, nuôi con chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 28 tháng 01 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Phú Q trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng cãi vã nên chị H bỏ nhà đi từ tháng 10/2020 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý nuôi cháu A, đồng ý giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 28 tháng 01 năm 2021 cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 28 tháng 01 năm 2021 cháu Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 02 giấy khai sinh bản sao, bảng khai ý kiến, đơn xin xác nhận tạm trú, phiếu chuyển phát nhanh, 02 bảng khai ý kiến của cháu A và cháu P.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập anh Lê Phú Q hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Q cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, anh Q biết rõ chị H xin ly hôn với anh. Nên quyết định xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 04 tháng 11 năm 2002. Theo lời trình bày của chị H thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị nhiều lần hàn gắn, tìm mọi cách để đoàn tụ nhưng không được, anh Q không sửa chữa được. Chị và anh Q không còn sống chung từ tháng 06 năm 2020 đến nay. Theo anh Q trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng cãi vã nhau nên chị H bỏ nhà đi, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý ly hôn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị H kiên quyết ly hôn với anh Q, chị cho rằng giữa chị và anh Q không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Con chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q có 02 người con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010. Sự thoả thuận về việc nuôi con giữa chị H anh Q trước

đây thì anh Q không thực hiện được, không có điều kiện để chăm sóc con, hiện tại chị H nuôi dưỡng 02 con chung là cháu A và cháu P. Nay chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010. Chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bích H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Lê Phú Q.

[2] Con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Lê Trọng P, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Bích H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Lê Phú Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lê Phú Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Bích H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008798 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui